

Sự ra đời của hưu trí trong lịch sử và chế độ hưu trí dưới thời quân chủ Việt Nam

Nguyễn Minh Tường*

Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Ngày nhận bài 22/9/2015, ngày chuyển phản biện 25/9/2015, ngày nhận phản biện 29/10/2015, ngày chấp nhận đăng 31/10/2015

Trong lịch sử tổ chức chính quyền quân chủ Việt Nam (kể từ thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, đến triều Nguyễn), quan lại phục vụ trong bộ máy nhà nước, khi tuổi đã cao hoặc ốm đau, bệnh tật, thì được triều đình cho phép về nghỉ dưỡng ở quê hương. Chế độ hưu trí ấy cụ thể như thế nào? Từ xưa, sử cũ của nước ta chép không được thật sự rõ ràng. Trong mục *Lệ Trí sĩ*, thiên *Quan chức chí*, sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, sử gia Phan Huy Chú cũng chỉ nói sơ qua chế độ này từ đời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) đến hết triều Lê Trung hưng (1533-1788) mà thôi. Lý do mà sử gia Phan Huy Chú đưa ra để giải thích cho sự thiếu hụt nêu trên là không có sử liệu, ông viết: “Lệ về hưu triều Trần đã có rồi, nhưng thể cách không biết rõ được (như đời Anh Tông, Nguyễn Tiên Ngô trí sĩ rồi lại ra làm quan). Thời Lê sơ (1428-1527) mới định hạn tuổi, điển lệ cũng không khảo được...”[1]. Do đó, việc tìm hiểu nguồn gốc, danh xưng và diễn tiến của chế độ hưu trí trong lịch sử chính quyền quân chủ Việt Nam là điều hết sức cần thiết.

Từ khóa: chế độ hưu trí thời quân chủ, hưu trí, trí sĩ.

Chỉ số phân loại 5.9

Nguồn gốc và danh xưng của chế độ hưu trí trong lịch sử

Quan lại nghỉ hưu, xưa gọi là *Trí sĩ* 致仕, hay *Hưu trí* 休致. Sách *Từ Nguyên* giải thích:

- 致仕: 謂辭官而退隱也。公羊傳退而致仕。

Phiên âm: “Trí sĩ: vị từ quan nhi thoái ẩn dã. *Công Dương truyện* “Thoái nhi trí sĩ”.

Dịch nghĩa: “Trí sĩ là nói việc từ quan mà về ở ẩn. Sách *Công Dương truyện* viết: “Trở về rồi trí sĩ”¹.

- 休致謂官以年老去職也...

Phiên âm: “Hưu trí: Vị quan dĩ niên lão, khứ chức dã...”.

Dịch nghĩa: “Hưu trí là nói quan lại đến tuổi già, bỏ chức mà về...”².

Như vậy, có sự khác nhau giữa “Trí sĩ” và “Hưu trí”. “Trí sĩ” có nghĩa là “Trả lộc lại cho vua”, “Cáo lão về quê, trao trả lại mọi việc cho vua”³, còn “Hưu trí” là vì già yếu mà phải nghỉ việc. Nhưng sau này, được

dùng với nghĩa tương đương nhau, không phân biệt. Ngoài ra, quan lại thời xưa, khi tuổi cao, sức yếu, mà tự xin về hưu, gọi là “Khất hải” 乞骸 (nghĩa là: xin lại bộ xương tàn!), cũng gọi là “Khất thân” 乞身 (nghĩa là: xin lại cái thân xác!). Là vì lẽ, người làm quan xưa coi việc làm quan là “gửi thân thờ vua”, nay xin về, nên nói là để cho hài cốt được về chôn ở quê hương.

Sự diễn tiến của chế độ hưu trí trong lịch sử quân chủ Việt Nam

Để trả lời câu hỏi Chế độ hưu trí có từ bao giờ trong thời quân chủ Việt Nam không phải là điều dễ dàng. Sử gia Phan Huy Chú cũng đã thừa nhận không có tư liệu lịch sử để khảo sát về chế độ hưu trí các đời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý và Trần.

Do vậy, trong tình trạng tư liệu hiện có, chúng tôi chưa thể khảo cứu về chế độ hưu trí từ triều Ngô, Đinh, Tiền Lê đến Lý. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép một số sự kiện đáng chú ý là: “Mùa xuân năm Thái Ninh thứ 3 (1074) [vua Lý Nhân Tông] xuống chiếu cho các công thần 80 tuổi đều được chống gậy ngồi ghế khi vào chầu” [2]. Điều đó cho thấy, dường như các viên quan đại thần trụ cột của triều đình ở thời Lý (1009-1225) làm việc cho tới khi già yếu, chứ không có chế độ hưu trí. Nhưng đến 80 tuổi vẫn “vào chầu” là nói số “công

¹Từ Nguyên. Bộ Chí, tập Mùi.

²Từ Nguyên. Bộ Nhâm, tập Tý.

³Lễ ký: Khúc lễ.

*Email: minhhuongvsh@yahoo.com

The birth of retirement in history and the retirement regime under the Vietnam's monarchy

Summary

In the history of the Vietnam's monarchy (since the Ngo, Dinh, Tien Le to Nguyen dynasty), serving officials in the state apparatus shall be allowed to retire at hometown when they got the advanced age or illness, diseases. How was that retirement regime in details? From the old days, the old history of our country was not very clearly written. In *Le Tri si, Quan chuc chi* section of *Lich trieu hien chuong loai chi* (Regulations of Successive Dynasties by Subject-Matter), the historian Phan Huy Chu only introduced briefly this regime under the King Le Thanh Tong (1460-1497) to the end of the Le Trung Hung dynasty (1533-1788) only. The reason that Phan Huy Chu devised to explain the deficiency mentioned above was no historical document; he wrote: "The custom of retirement already had from Tran dynasty, but we can not know how it was (for example, under Anh Tong King dynasty, Nguyen Tien Ngo retired and then became a mandarin again). The Early Le dynasty (1428-1527) just determined the term of retirement age, but the rules were also not evidenced..."[1]. Therefore, it is thought that finding out the origin, the name and the progress of the retirement regime in the history of Vietnam monarchical government is essential.

Keywords: retired people, retirement, the retirement regime under the Vietnam's monarchy

Classification number 5.9

thần", còn các quan bình thường, từ *Tứ phẩm* đến *Cửu phẩm* chẳng lẽ cũng không có chế độ hưu trí sao? Rõ ràng không thể có điều đó!

Việc một số đại thần triều Lý không có chế độ về hưu, được sử cũ chứng thực bằng các sự kiện: nhiều vị quan thuộc hàng ngũ ấy, tuổi cao mà chết khi đang tại chức, ví dụ: năm 1105, Lý Thường Kiệt (1019-1105) chết, thọ 86 tuổi, bấy giờ đang giữ chức Thái úy (tức Tể tướng) dưới triều vua Lý Nhân Tông [2]; năm 1161, Lưu Khánh Đàm (1093-1161) chết, thọ 68 tuổi, bấy

giờ đang giữ chức Thái úy dưới triều vua Lý Anh Tông [2]. Tuy nhiên, sử cũ cũng lại chép: năm 1168, Thái sư trí sĩ là Lý Du Đô chết [2]. Điều đó cho thấy, dưới triều Lý cũng có quy định chế độ hưu trí đối với quan lại nói chung, nhưng tùy từng trường hợp cụ thể, do tài năng, chức trách lớn và sức khỏe cho phép, nên triều đình vẫn giữ lại sử dụng cho đến cuối đời, như trường hợp Thái úy Lý Thường Kiệt...

Thời Trần (1225-1400), cũng giống như thời Lý, không thấy sử sách ghi chép về chế độ hưu trí của quan lại. Có lẽ, thời bấy giờ, quan lại cấp thấp đến tuổi già thì phải về hưu trí, còn quan lại cao cấp, nhất là các thân vương, đại thần nắm giữ những trọng trách tại triều đình thì được làm việc cho tới cuối đời. Sử cũ cho ta biết vào thời Trần, nhiều vị quan đại thần tuổi già và trên 70 chết khi còn đương chức, ví dụ: tháng giêng năm Giáp Tý (1264), Trần Thủ Độ (1194-1264) chết, thọ 70 tuổi, bấy giờ ông vẫn giữ chức Thái sư dưới triều Trần Thánh Tông (1258-1278) [2]; tháng 11 năm Canh Thân (1320), Phạm Ngũ Lão (1255-1320) chết, thọ 65 tuổi, lúc ấy ông đang giữ chức Điện súy Thượng tướng quân dưới triều Trần Minh Tông (1314-1329) [2]; tháng 7 năm Canh Ngọ (1330), Trần Nhật Duật (1254-1330) chết, thọ 76 tuổi, lúc ấy ông đang giữ chức Thái sư dưới triều Trần Hiến Tông (1329-1341) [2]...

Sử cũ chép về trường hợp "treo mũ từ quan" của Chu Văn An (1292-1370), sau khi dâng "*Thất trảm sớ*" (Sớ xin chém 7 kẻ lộng thần), Trần Dụ Tông (1341-1369) không trả lời, thì dường như ông được cho về trí sĩ ở núi Chí Linh, trấn Hải Dương [2]. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thì chép rõ là: "Tháng 11 năm Canh Tuất (1370), Chu An, Quốc Tử giám Tư nghiệp, trí sĩ, mất" [3]. Như vậy, có thể nói dưới triều Trần, có quy định chế độ hưu trí cho quan lại văn võ, nhưng tiếc rằng sử cũ chép thiếu sót, cho nên ngày nay chúng tôi không đủ tư liệu để khảo cứu rõ ràng được.

Vương triều Hồ (1400-1407) vì tồn tại quá ngắn, lại phải lo đối phó với thù trong giặc ngoài, nên trong sử cũ không thấy ghi chép gì về chế độ hưu trí và việc về hưu của quan lại ở triều đại này.

Đến đầu thời Lê sơ (1428-1527), cụ thể vào các đời vua: Lê Thái Tổ (1428-1433), Lê Thái Tông (1434-1442), Lê Nhân Tông (1443-1459) chưa quy định rõ ràng chế độ hưu trí, những sự kiện dưới đây chép trong sử cũ cho ta biết điều đó.

Tháng 4 năm Thái Hòa thứ 7 (1449), Thái tử Thiệu

bảo Lê Lê⁴ chết, tại chức, thọ 82 tuổi [2].

Sử cũ chép: các viên Đài quan (tức Ngự sử đài) là Lưu Thúc Khiêm và Nguyễn Cư Đạo hặc tội bọn Cao Doãn Cung, Trình Hoảng Nghi ở chức Chính viện đại thần mà chỉ ngồi làm vị, ăn hại, không giúp ích được gì, tuổi đã quá 70, mắt lòa, tai điếc mà còn tham lộc vị, không còn biết liêm sỉ, làm hại phong hóa đáng phải bắt về cả. Thế là bọn Cao Doãn Cung đều xin từ chức. Vua Lê Nhân Tông y cho [2].

Tháng 10 năm Quang Thuận thứ 3 (1462), vua Lê Thánh Tông mới ban sắc chỉ rằng: kể từ nay, các quan viên văn võ làm việc đến 65 tuổi, muốn về trí sĩ, các lại điển, giám sinh, nho sinh, sinh đồ tuổi từ 60 trở lên muốn về làm dân, thì đều cho người đó nộp đơn ở bộ Lại, rồi xếp loại tâu lên để thi hành [2].

Sử cũ của nước ta không thấy chép nhà Mạc quy định quan lại bao nhiêu tuổi thì được nghỉ hưu. Nhưng theo học giả Lê Quý Đôn trong *Đại Việt thông sử* thì có lẽ, nhà Mạc cho phép quan lại tới 70 tuổi được hưu trí.

Đại Việt thông sử chép: “Tháng 8 năm Thái bảo (1586), Thao Quốc công Trần Thì Thâm, viện lý do đã 70 tuổi, xin về hưu trí. [Mạc] Mậu Hợp khuyên dụ và lưu lại” [4].

Trong khoảng hơn 10 năm cuối cùng của vương triều Mạc (1580-1592), nền chính sự suy đồi, “thể nước” lung lay, trong khi đó, quân đội Lê Trung hưng lại ngày một lớn mạnh, nhiều đại thần của triều Mạc đồng loạt xin từ chức, về hưu: tháng 8 năm 1581, Đô ngự sử Đặng Vô Cảnh xin từ chức về hưu, Mạc Mậu Hợp không cho [4]. Cũng tháng ấy, Luân Quận công Giáp Trung vào triều yết kiến Mạc Mậu Hợp xin về quê hưu dưỡng [4]; tháng 9 năm 1581, Thượng thư bộ Lại, Nghĩa Sơn bá Trần Văn Nghi, tới triều yết Mạc Mậu Hợp cáo xin về cố hương hưu dưỡng [4]; tháng 7 năm 1585, Tả đô đốc Đông quân, Đàm Quận công Nguyễn Nghi Lộc xin về hưu trí, Mạc Mậu Hợp cố khuyên lưu lại [4]; tháng 10 năm Thái bảo (1586), Thao Quận công Trần Thì Thâm xin trí sĩ, Mạc Mậu Hợp ưng cho [4]. Tháng 12 năm 1586, Luân Quận công Giáp Trung dâng sớ xin trí sĩ, lời lẽ rất là khẩn thiết, Mạc Mậu Hợp bắt đầu đã nghe theo. Tháng 1 năm 1587, khi Giáp Trung đã về quê nhà làng Kế Hương, Mạc Mậu Hợp tưởng nhớ, lại triệu vào Kinh sư, nhưng Giáp Trung tạm đến, liền xin về ngay, rồi qua đời [4].

Thời Lê Trung hưng, chế độ hưu trí của quan lại được quy định khá rõ ràng và cụ thể. Trong mục *Lệ Trí sĩ*,

⁴Lê Lê: vốn họ Định, gọi Lê Lợi bằng cậu, sau vì có công được ban quốc tính họ Lê.

phần Quan chức chí, sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, sử gia Phan Huy Chú cho biết: “Từ đời [Lê] Trung hưng về sau, các quan văn võ đến 70 tuổi mới cho về hưu; viên quan nào 69 tuổi thì cuối năm phải làm tờ khai viện lệ bày xin, giao cho các quan làm, kê rõ chức tước nên thăng và mọi sự lệ, trình lên Chúa xét để thi hành, sự bảo thăng chức tước về hưu, cũng giống như thể lệ thăng chức khi làm quan, các sự lệ giao cho nha môn ở sở quan phụng hành. Ngày về hưu, các quan triều đường đều có thơ mừng, lần lượt viết vào bức lụa, bày tiệc tiễn đưa. Khi về hưu rồi, mà được khôi phục là do đặc ân” [5].

Sách *Lê triều hội điển* chép: “Năm Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719), đời vua Lê Dụ Tông, chuẩn định: các quan võ dự ban Nội quan, từ Đồng tri giám trở lên, đến 70 tuổi thì được viện lệ về trí sĩ. Từ Lục phẩm trở xuống thì được Cáo lão. Thể lệ đưa thư mừng và đặt bậc giống như thể lệ tiễn tổng quan văn. Còn việc ân tứ dân lộc và tùy nhân thì tùy theo phẩm trật” [6].

Năm Vĩnh Hựu thứ 3 (1737), Hàn Lâm viện Thừa chỉ Trần Ân Triêm 65 tuổi xin về hưu, Trịnh Giang y cho. Theo lệ cũ, thì quan văn tới 70 tuổi mới được nghỉ hưu, từ đây mới lấy 65 tuổi làm định lệ [5].

Trong đời vua Lê Hiến Tông (1740-1786), các quan thấy chính sự triều đình bê bối, nhiều người muốn xin nghỉ hưu sớm. Hai ban văn võ có dâng khai lên chúa Trịnh Doanh xin 60 tuổi được về hưu. Lời khai đại ý nói: “Bọn chúng tôi xét trong Lễ điển, đại phu 70 tuổi thì nghỉ việc. Trộm nghĩ thâm ý của Thánh nhân định lễ là để phân biệt người già, người trẻ, điều tiết khi nhọc khi nhàn. Đời xưa phong khí rất thuần, cõi đời mờ mịt chưa rõ, người sinh trước kỳ quan thất (20-23 tuổi) chưa dự việc đời, sau khi lớn mạnh mới ra làm quan, cho nên 40 tuổi mới làm quan, già yếu thì nghỉ, cho nên 70 tuổi mới về hưu. Đại yếu là làm việc và nghỉ việc cũng chỉ lấy 30 năm làm hạn. Đời sau, khí số càng ngày càng kém, sớm biết xảo trá, còn *nhược quan*⁵ đã xin dài mũi để trói giặc, thần đồng⁶ mà nộp đơn đi thi, vừa mới đến tuổi trưởng thành đã ra ứng phó việc đời, hăng hái trên đường làm quan, mà hình thân, khí lực so với đời xưa đã thấy suy kém, cho nên những bậc siêng năng mưu giỏi, đời không thấy nhiều. Từ đời Tần, Hán về sau, thường thấy dâng biểu xin về, đều không chờ tuổi... Nay nhà vua lượng rộng như trời, ưu dung rất hậu, bày tôi hầu bên cạnh, chuẩn cho 65 tuổi thì nghỉ việc, sau lấy làm lệ thường.

⁵Nhược quan là tuổi mới 16. Dùng điển Chung Quân còn trẻ (16 tuổi) mà xin vua Hán dài mũi (chữ Hán là “Nhược quan”) để đi trói vua Nam Việt (Hán thư - Chung Quân truyện).

⁶Thần đồng là trẻ con mà học giỏi như thần. Đời Tống (960-1279) có khoa thi Thần đồng.

Tấm thân đền nợ nước của kẻ làm tôi con, cúc cung tận tụy muôn phần chưa được một, đầu dám viện hạn tuổi mà kêu xin.

Chỉ nghĩ rằng tuổi trẻ đã lạm dự quyền vị, ôm sách ngồi không, dự đường khoa cử, hoặc có kẻ mới đứng tuổi mà cầm quyền chính, dòng dõi công thần, hoặc có kẻ đầu xanh mà làm quan to, kẻ ra làm quan 20-30 tuổi đến năm 60 tuổi, như thúc con ngựa hèn cố gắng gân sức, trong khoảng 30 năm chỉ sợ vấp ngã... Tự xét tài phận, thật không thể miễn cưỡng làm các việc không thể làm được. Nên nhờ lượng trên soi xét mà chuẩn y cho, khiến thân này lúc tuổi già được trông thấy ánh sáng, phần khởi ở thời thái bình, thì thực là hạnh phúc cho chúng tôi...” [5].

Trịnh Doanh xem tờ khai, không y cho. Lại chuẩn rằng: 64 tuổi mới được viện lệ xin nghỉ.

Đến cuối niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786) đời Lê Hiển Tông, các văn thân tuổi ngoài 60, nhiều người chán ghét việc lui tới triều đình. Trịnh Sâm lại ra lệnh tuân y theo lệ cũ, 70 tuổi mới được nghỉ hưu.

Năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782), khi Trịnh Khải lên ngôi Chúa, Hành Tham tụng Bùi Huy Bích dâng sớ khai xin lại theo lệ gần đây, cho các quan 65 tuổi được nghỉ hưu, để tỏ ra sự ưu đãi tuổi già. Trịnh Khải nghe theo [5].

Sử gia Phan Huy Chú nhận xét: “...Đến thời [Lê] Trung hưng, các đại thần về nghỉ việc hạn tuổi chưa nhất định (như: Thái phó Nguyễn Thục, Thiếu phó Nguyễn Minh Triết, về hưu đều 80 tuổi, Bồi tụng, Thượng thư Binh bộ Nguyễn Khải về hưu đã 78 tuổi). Bấy giờ về hưu chưa được xem là vẻ vang. Từ khi Yên quận [công] Phạm Công Trứ, 70 tuổi về hưu có thơ lưu giã với các quan đồng triều, đến hơn 50 người ở các phủ, bộ, ty, khoa, đạo, viện họa thơ viết lên trường lụa, uống rượu tiễn trên giang đình, từ đó về sau thành lệ. Từ đời Vĩnh Thịnh, Bảo Thái [1720] về sau, các quan đến hạn tuổi được viện lệ về hưu, vua chúa ban cho sắc thư, các quan khen mừng thành tích, xe ngựa rộn rịp, làm câu chuyện hay trong buổi thái bình. Đến đời Vĩnh Hựu, Cảnh Hưng [1740], cho 65 tuổi thì được về nghỉ, lại tỏ thêm ưu đãi người lão thành, cho nên các quan trong triều đã đến tuổi thọ thì muốn viện lệ xin về hưu, công thành danh toại, thực là vẻ vang cho sĩ phu vậy” [5].

Vào buổi đầu triều Nguyễn, các quan văn võ ở trong Kinh, hay ngoài các trấn, có người tuổi ngoài 70, cũng có người tuổi ngoài 50 trở lên, bị ốm yếu xin về hưu dưỡng, thì triều đình đều cho được giữ nguyên quan hàm về quê, đó là do đặc ân, chưa từng có định lệ [6].

Năm Minh Mệnh thứ 4 (1823), triều đình chuẩn định: những người có quan chức đến 70 tuổi trở lên, đều cho giữ nguyên hàm về hưu trí. Nếu là người lão thành mà mạnh khỏe, thì vẫn cho ở lại cung chức, đến kỳ đợi dụ chỉ của vua [6].

Năm Tự Đức thứ 2 (1849), triều đình có nghị chuẩn: trong khoảng thời gian những năm Minh Mệnh (1820-1841), Thiệu Trị (1841-1847), phạm những quan viên cáo về hưu, về nghỉ, tuổi từ 60 trở lên, được giữ nguyên hàm về hưu dưỡng, chưa đến tuổi 60 thì đều giáng 1 cấp bắt về hưu. Lại có người được nghỉ dưỡng bệnh, bệnh khỏi lại cung chức, cùng đợi bổ, lại có người bị cách chức, bãi chức đều đến lúc lâm sự làm phiếu trình, rồi tuân làm, chứ chưa ghi thành định lệ.

Từ nay về sau: phạm quan châu trong Kinh, ngoài tỉnh, gián hoặc có mắc bệnh xin nghỉ thì từ tứ phẩm trở lên đến bảy giờ sẽ tâu đợi phiếu Chỉ, còn từ ngũ phẩm trở xuống, viên nào đau ốm cáo nghỉ đều xin cho ở ngoài hoặc ở quê điều dưỡng, viên nào đã qua 2 lần cho nghỉ thì xin do quan sở tại xét kỹ bệnh tình đích xác. Lại xét kỹ không có tình ý trốn tránh gì khác đều nên kể rõ ở trong sớ, còn bệnh thể xét ra có thể qua khỏi thì nghĩ nên cho nghỉ thêm 1 lần nữa, đợi đến hết hạn, vẫn được cung chức như cũ. Nếu xét ra bệnh đã trầm trọng thì nghĩ nên cho ở lại quê quán chạy chữa, ngày nào khỏi bệnh do bộ hậu bổ, không nên lại cho thêm hạn, đỡ rồi việc, viên nào đã nghỉ quá 3 hạn mà bệnh trước chưa đỡ, tuổi 60 trở lên, nghĩ nên chiếu lệ và cho giữ lấy nguyên hàm về quê hưu trí; tuổi dưới 60 thì nghĩ nên giáng 1 cấp cho về quê chữa bệnh, không nên cho đợi bệnh khỏi, hậu bổ làm gì. Người nào cố ý làm ra có bệnh, quan trên xét ra cố tình dối trá đích xác thì cho được cứ thực tâu lên vạch ra đợi Chỉ cách bỏ. Nếu có dụng tình nể nang khinh suất thiên tư, có người dò ra thực trạng, thì viên quan trên ấy phải bị chiếu lệ che chở vì tình riêng, mà hỏi tội [6].

Thời Nguyễn, quan lại về hưu còn được triều đình cấp cho một số lương hưu “*để nuôi tuổi già*”: *Ưu cấp tiền gạo và thuộc binh cho công thần Vọng Các*⁷ *hưu trí*.

Tháng 10 năm Gia Long thứ 1 (1802), triều Nguyễn quy định chế độ ưu cấp cho công thần Vọng Các đã về hưu trí. Vua Gia Long bảo với bầy tôi rằng: “Trẫm từ khi vận nước suy vi, bốn ba nhiều chỗ, các tướng sĩ theo giúp đỡ, khi trú ngụ ở thành Vọng Các, nếm đủ gian khổ, hoặc năm Mậu Thân (1788) mới lấy Gia

⁷Công thần Vọng Các: Các bầy tôi theo Nguyễn Ánh chạy sang trú ngụ tại thành Vọng Các nước Xiêm La, từ năm 1778 đến năm 1800.

Định, ứng nghĩa Cần vương. Sau đó nhân có người đánh giặc bị thương hoặc già ốm mà phải về quê quán nghỉ ngơi. Hiện nay nước nhà đã yên, trầm nhớ lại công trước, nên bàn việc đáp đền” [7].

Bền chuẩn định những công thần theo đi Vọng Các, hằng tháng được cấp tiền lương, những người đầu quân từ sau năm Mậu Thân (1788), trước năm Canh Thân (1800), cho lập thuộc binh, đều chia làm 3 hạng, ban cấp theo thứ bậc khác nhau. Các hạng được phân chia như sau: 1) Biên binh về hưu mà đánh trận bị thương là: *Hạng nhất*; 2) Người bệnh khỏi đờn dưng, cùng người già ốm yếu là: *Hạng nhì*; 3) Người can phạm kỷ luật đã được xá miễn là: *Hạng ba*.

Cấp tiền gạo hằng tháng cho công thần Vọng Các hưu trí [7]

TT	Chức vụ	Hạng nhất		Hạng nhì		Hạng ba	
		Tiền (quan)	Gạo (phương)	Tiền (quan)	Gạo (phương)	Tiền (quan)	Gạo (phương)
1	Chánh vệ, Chánh chi	12	12	6	6	3	3
2	Phó vệ, Phó chi	10	10	5	5	2,5 ^a	2,15 ^b
3	Trưởng hiệu, Cai cơ, Cai đội	8	8	4	4	2	2
4	Phó đội	6	6	3	3	1,5	1,15
5	Đội trưởng	4	4	2	2	1	1
6	Binh dinh	2	2	1	1	0,5	0,15

Cấp thuộc binh cho công thần Vọng Các hưu trí [7]

TT	Chức vụ	Hạng nhất	Hạng nhì	Hạng ba
		Thuộc binh (người)	Thuộc binh (người)	Thuộc binh (người)
1	Chánh vệ	8	6	5
2	Phó vệ - Chánh chi	7	5	4
3	Phó chi	6	4	3
4	Trưởng hiệu, Cai cơ, Cai đội	3	2	2
5	Phó đội	2	1	1

Về cấp lương hưu: năm Minh Mệnh thứ 4 (1823) có chỉ dụ rằng: ... Từ nay về sau những người hèn kém không làm nội việc, cùng người có ý tránh chỗ khó khăn hay nước độc, nói dối là có bệnh để cáo nghỉ, thì lập tức bắt về hưu trí, không được cấp nửa lương, lại không được lấy nguyên chức quan đơn bổ. Còn viên quan nào tuổi già yếu, có tật nặng xin về hưu trí, mà viên ấy đã từng đi đánh trận bị thương, thì gia ân cấp cho nửa lương để nuôi tuổi già [8].

Năm Tự Đức thứ 32 (1879), triều đình ban Nghị chuẩn: từ nay về sau, quan văn Cửu phẩm, quan võ Thất phẩm trở lên, theo lệ được về hưu, tuổi từ 60 trở lên mà xét ra cô đơn nghèo túng, không có người cấp dưỡng, trừ những văn võ án quan¹⁰ chiếu theo lệ trước

^a2,5: Tức 2 quan 5 tiền

^b2,15: Tức 2 phương 15 uyen

¹⁰Chỉ số quan văn từ Tứ phẩm trở lên đến Nhất phẩm, số quan võ từ Nhị phẩm đến Nhất phẩm.

lấy giao cho quan địa phương xem xét tâu xin chờ được ân cách, còn các thuộc viên án định như sau:

Lương hưu hằng tháng cấp cho quan văn võ [9]
(Văn: Từ phẩm trở xuống - Võ: Tam phẩm trở xuống)

TT		Phẩm tước	Tiền (quan)	Gạo (phương)
1	Văn	Chánh tông Tứ phẩm	3	1
	Võ	Chánh tông Tam phẩm		
2	Văn	Chánh tông Ngũ phẩm	2	1
	Võ	Chánh tông Tứ phẩm		
3	Văn	Chánh tông Lục phẩm, Thất phẩm	1,5	1
	Võ	Chánh tông Ngũ phẩm		
4	Văn	Chánh tông Bát phẩm, Cửu phẩm	1	1
	Võ	Chánh tông Lục phẩm, Thất phẩm		
5	Võ	Chánh tông Bát phẩm, Cửu phẩm	0,5	0,5
		Lại dịch, Binh lính, Thợ		

Kết luận

Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (939-1884) là một trong những biểu hiện nền văn hóa chính trị của dân tộc ta. Một nhà nước mạnh, một chính quyền mạnh được thể hiện rõ nét hơn cả ở việc bộ máy nhà nước ấy có được tổ chức khoa học không, hợp lý không và vận hành có hữu hiệu không? Nhưng suy cho cùng, mọi sự thành công của bộ máy nhà nước đều tùy thuộc vào con người. Quan lại dưới thời quân chủ Việt Nam khi đương chức, họ làm việc hết chức trách và khi già yếu, nhà nước quân chủ có chế độ hưu trí để đảm bảo cuộc sống những năm cuối đời cho họ. Xét như vậy, chế độ hưu trí (tuổi về hưu, lương hưu...) quan trọng không kém gì, thậm chí hơn cả chế độ đãi ngộ cho số quan lại tại chức. Tiếc rằng, về vấn đề này, sử cũ của nước ta ghi chép quá sơ lược và bỏ sót, nên ngày nay khảo cứu không thể tường tận được.

Tài liệu tham khảo

- [1] *Lịch triều hiến chương loại chí* (2014), tập 3, *Quan chức chí - Lễ nghi chí*, Nxb Trẻ TP Hồ Chí Minh, tr.220.
- [2] *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.33, 105, 118, 152, 277, 285, 323, 324, 344.
- [3] *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (1998), Nxb Giáo dục, tr.647.
- [4] *Đại Việt thông sử* (1977), tập 3, Nxb Khoa học xã hội, tr.329, 344, 347.
- [5] *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb Trẻ TP Hồ Chí Minh, tr.81-83.
- [6] *Lê triều hội điển*, Tư liệu đánh máy lưu tại Thư viện Viện Sử học, tr.89, 411-413.
- [7] *Đại Nam thực lục* (2004), tập 1, Nxb Giáo dục, tr.533-534.
- [8] *Lê triều hội điển*, tập 5, Tư liệu đánh máy lưu tại Thư viện Viện Sử học, tr.177.
- [9] *Khâm định Đại Nam hội điển tục biên* (2009), tập 3, Nxb Thuận Hóa - Huế, tr.153-154.